

Bản án số: **1339/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-11-2019

V/v Ly hôn giữa bà L

và ông T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền.

2. Bà Đặng Thu Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 832/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2019/QĐXXST-HNGĐ-HPT ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Ngọc Gia L**, sinh năm 1988 (Có mặt);

Địa chỉ thường trú: Số E đường G, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú/ liên lạc (nơi ở hiện nay): Số H đường I, Khu phố K, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Lâm Ngọc T**, sinh năm 1989 (Có mặt);

Địa chỉ thường trú: Số E đường G, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, bà Trần Ngọc Gia L (sau đây gọi tắt là bà L) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lâm Ngọc T (sau đây gọi tắt là ông T).

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà L trình bày:

Bà L và ông T tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 79/KH ngày 23 tháng 4 năm 2009. Bà L và ông T có 01 (Một) người con tên là Lâm Xuân N, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011.

Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà L và ông T có hạnh phúc từ năm 2009 đến năm 2014. Vào năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, nguyên nhân là do ông T thường hay ăn nhậu, đi chơi, gây nợ bên ngoài để cho người ta đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và người thân. Bà L đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi nên bà L đã đưa con về nhà mẹ ruột của mình để ở và ly thân với ông T từ năm 2015 đến nay. Vào năm 2018, bà L và ông T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên bà L đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T; Tòa án mời bà L và ông T đến hòa giải đoàn tụ nên bà L đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 8 đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về “Ly hôn” để cho vợ chồng đoàn tụ. Sau khi đoàn tụ trở về chung sống cùng nhau thì ông T không có thay đổi, thường hay ghen tuông với bà L vô cớ, kiếm chuyện và nhiều lần gây sự với bà L; vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi với nhau, mâu thuẫn giữa bà L và ông T không thể tự hòa giải được mà ngày càng trầm trọng hơn; bà L không thể chấp nhận với cách sống của ông T, mặt khác bà L không còn tình cảm với ông T và đã ly thân với ông T từ năm 2015 đến nay. Cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T không có hạnh phúc, thiếu tình cảm, không sống chung, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm đã quá sức chịu đựng của bà L nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Trường hợp ly hôn:

- *Về con chung:* Bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông T có 01 (Một) người con tên là Lâm Xuân N, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011.

Về việc nuôi con: Bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Lâm Xuân N cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà L có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông T không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông T không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện và khả năng nuôi con, gồm có: Chứng cứ chứng minh về tài chính (tiền trong tài khoản ngân hàng), việc làm (hợp đồng lao động), nguồn thu nhập (các phiếu tiền lương hàng tháng), chỗ ở, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông T trình bày:

Ông T và bà L tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 79/KH ngày 23 tháng 4 năm 2009. Ông T và bà L có 01 (Một) người con tên là Lâm Xuân N, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011.

Mâu thuẫn giữa ông và bà L là có; bà L trình bày về mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần; ông T vì quá thương yêu vợ nên mới ghen tuông với vợ; ông có nhậu, có đi chơi, có mượn nợ làm ảnh hưởng đến vợ con và người thân trong gia đình, nợ của ông gây ra thì ông phải trả, không ai phải trả nợ thay cho ông. Ông T không đồng ý ly hôn với bà L vì ông còn rất yêu thương vợ; nguyện vọng của ông T là mong muốn bà L bỏ qua những lỗi lầm của ông và mong bà L suy nghĩ lại cho ông cơ hội và thời gian sửa đổi, mong muốn vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ trở về chung sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi con. Ông T mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Trường hợp ly hôn:

- *Về con chung:* Ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L có 01 (Một) người con tên là Lâm Xuân N, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011.

Về việc nuôi con: Ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Lâm Xuân N cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con vì ông T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án có văn bản Thông báo về việc yêu cầu ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện và khả năng nuôi con nhưng ông T đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có hỏi ý kiến về nguyện vọng của cháu Lâm Xuân N về việc sống chung với cha hoặc mẹ sau ly hôn, cháu Nhi xác nhận mong muốn được sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông T đề nghị Hội đồng xét xử hòa giải đoàn tụ để cho ông và bà L hàn gắn tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ chung sống cùng nhau.

Bà L không đồng ý hòa giải và cương quyết yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bà được ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T đã rất trầm trọng, không thể kéo dài vì tình cảm của bà đối với ông T không còn.

Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông T; bà L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, yêu cầu được trực

tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi; bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà L và ông T không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung.

Ông T không đồng ý ly hôn với bà L vì ông còn rất yêu thương vợ, ly hôn sẽ làm gia đình ly tán. Trường hợp phải ly hôn thì ông T đồng ý giao người con tên là Lâm Xuân N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), việc bà L không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông thuận theo ý của bà L, khi nào bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì ông sẽ thực hiện; ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207 và 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 243, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 254, 258, 260, 261 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị

Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình tranh chấp “Ly hôn”.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà L và ông T tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Bà L và ông T sống chung vợ chồng với nhau từ năm 2009 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn kéo cho đến nay. Năm 2018, bà L có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T; Tòa án hòa giải đoàn tụ, bà L rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ; nay bà L tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà L không còn tình cảm với ông T; trong khoảng thời gian này ông T không có biện pháp để hàn gắn tình cảm với bà L và không thuyết phục được bà L trở về sống chung; trong quá trình giải quyết vụ án này, Tòa án cũng đã hai lần hòa giải động viên các bên đương sự đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà L không đồng ý đoàn tụ và cương quyết yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông T; ông T không đồng ý ly hôn với bà L nhưng ông cũng không có biện pháp nào để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng để thuyết phục bà L đoàn tụ; ông T và bà L đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Xét thấy hôn nhân của bà L với ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L, cho ly hôn giữa bà L và ông T căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Tại phiên tòa, bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là có 01 (Một) người con tên là Lâm Xuân N, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011, hiện nay cháu Nhi đang ở và sinh sống cùng với bà L và do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Bà L có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bà được quyền nuôi con (được trực tiếp nuôi con)

cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà L có đủ điều kiện và khả năng nuôi con; ông T tự nguyện đồng ý giao người con tên là Lâm Xuân N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); do bà L nhận là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T thuận theo ý của bà L, khi nào bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì ông T sẽ thực hiện.

Bà L và ông T đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý giao người con tên là Lâm Xuân N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); bà L và ông T cũng đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý về việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà L có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Sự tự nguyện này của các đương sự được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung*: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 232, 233, 235, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Gia L.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 79/KH ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không có giá trị pháp lý khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T cùng xác nhận và cam đoan là có 01 (Một) người con tên là Lâm Xuân N, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2011.

Về việc nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T về việc bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T tự nguyện thỏa thuận và đồng ý giao người con tên là Lâm Xuân N cho bà Trần Ngọc Gia L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T về việc bà Trần Ngọc Gia L không yêu cầu ông Lâm Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lâm Ngọc T cho đến khi bà Trần Ngọc Gia L có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T cùng xác nhận và cam đoan là không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà Trần Ngọc Gia L và ông Lâm Ngọc T cùng xác nhận và cam đoan là không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Ngọc Gia L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), để sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền mà bà Trần Ngọc Gia L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0012062 ngày 25

tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Ngọc Gia L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tường